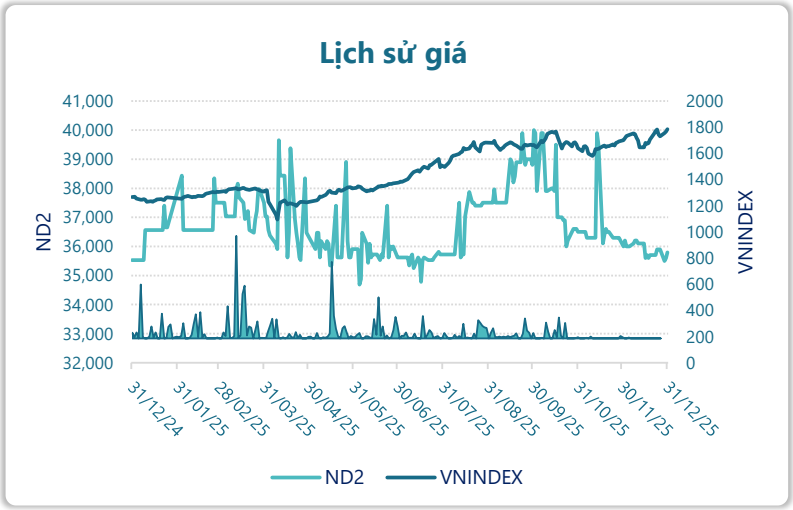
FireAnt

CTCP Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (UPCOM: ND2)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**35,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	40,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	34,687
SL cổ phiếu LH	49,993,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,865
% sở hữu nước ngoài	35.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,790
P/E	8.4
EPS	4,285

DT thuần

Q4/25

104

tỷ VNĐ

QoQ: ▼49.0| -31.8%

YoY: ▲ 21.5| 26.5%

LN sau thuế

Q4/25

53.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▼48.6| -47.7%

YoY: ▲ 29.2| 121%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

65.3%

+/- YoY: ▲ 4.4%

DT thuần

2025

409

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 44.0| 12.0%

LN sau thuế

2025

214

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 52.0| 32.4%

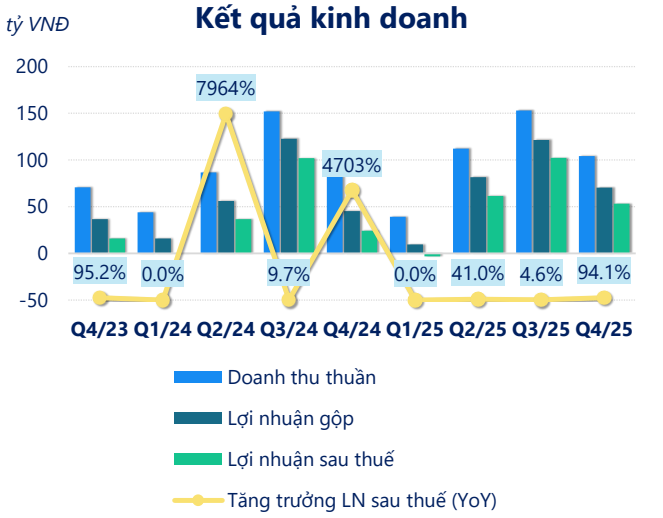
ROE

2025

24.2%

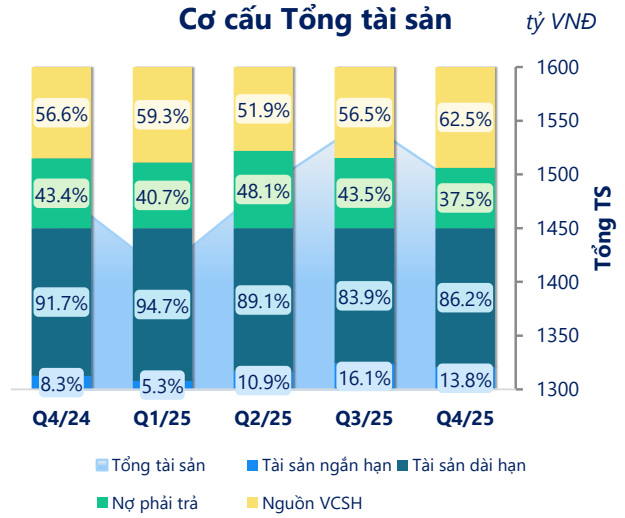
+/- YoY: ▲ 4.2%

Kết quả kinh doanh



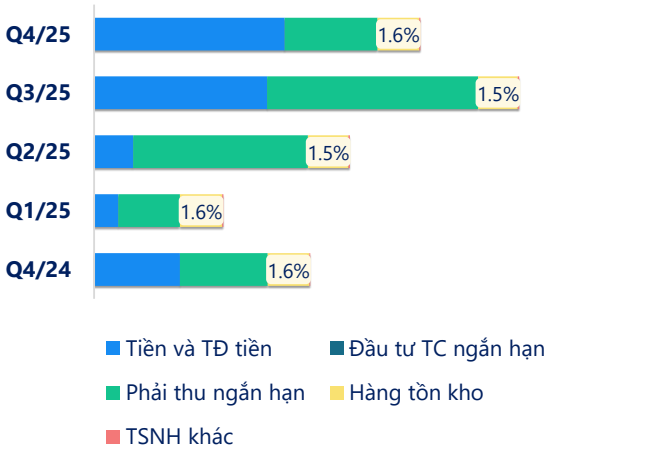
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



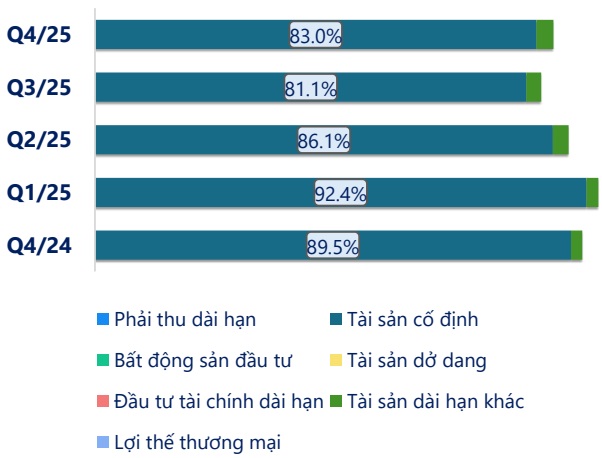
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



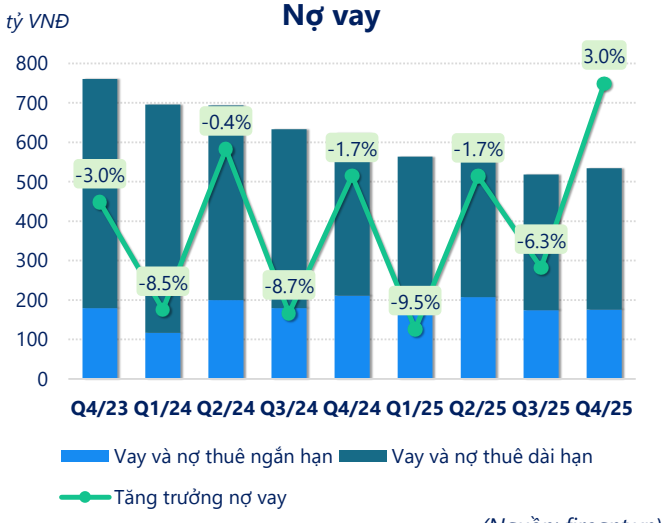
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



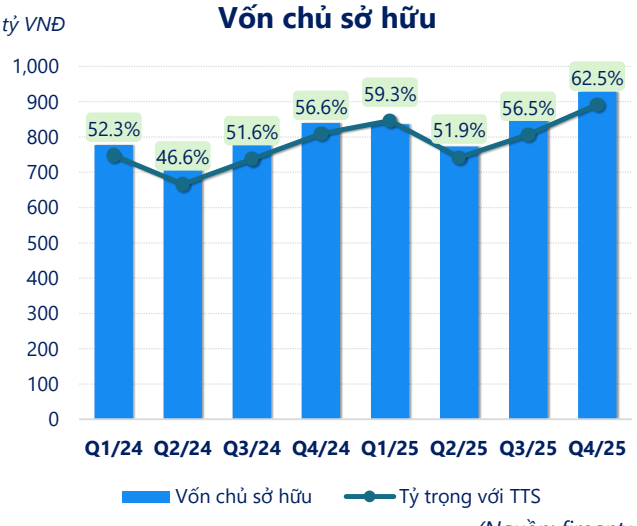
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



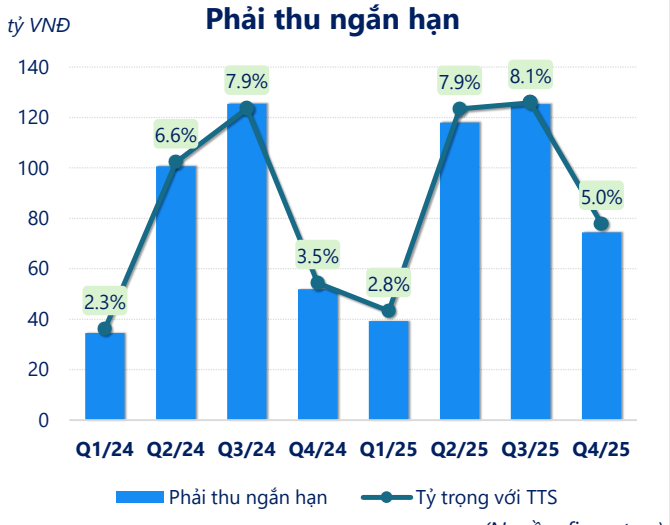
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



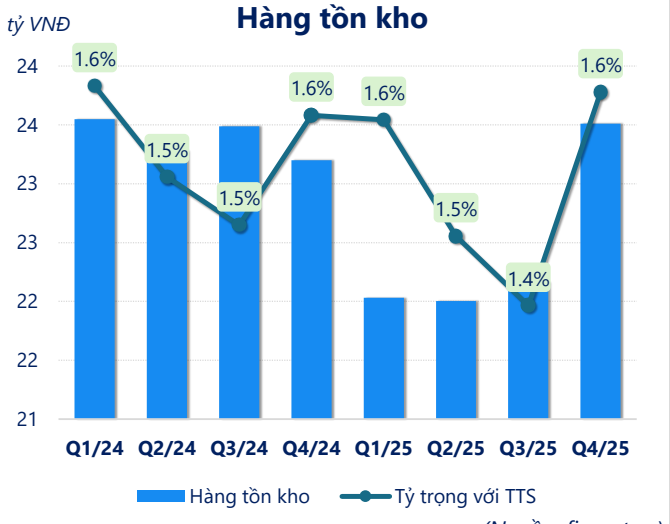
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



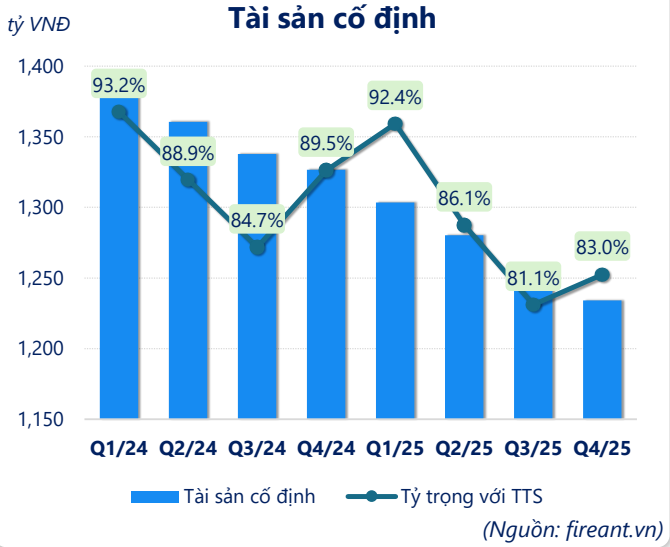
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



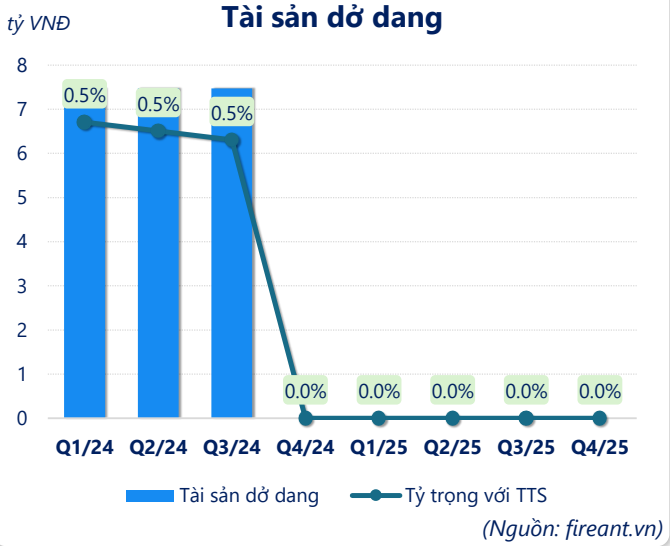
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



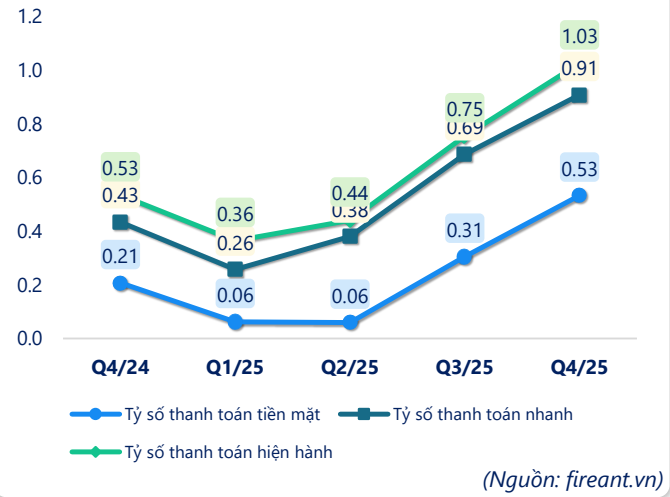
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



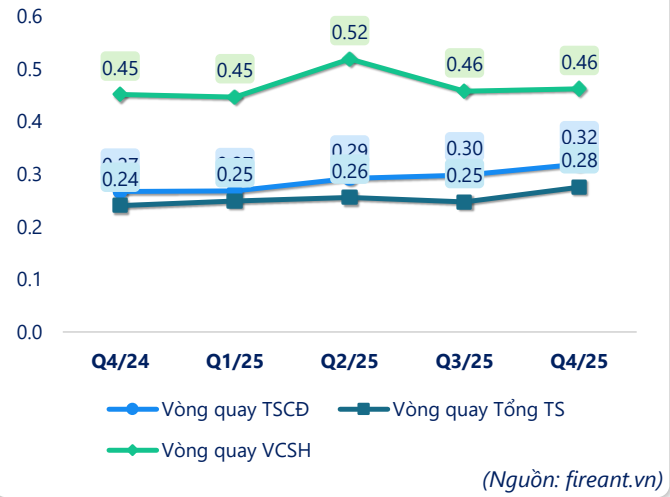
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**1,482**	**1,411**	**1,487**	**1,549**	**1,486**
Tài sản ngắn hạn	**124**	**75.0**	**162**	**249**	**205**
Tiền và tương đương tiền	47.9	12.8	21.9	101	107
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	51.9	39.3	118	125	74.5
Hàng tồn kho	23.2	22.0	22.0	22.2	23.5
Tài sản ngắn hạn khác	0.69	0.84	0.22	0.71	0.50
Tài sản dài hạn	**1,359**	**1,336**	**1,325**	**1,300**	**1,281**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	1,327	1,303	1,280	1,257	1,234
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	32.0	32.1	44.8	43.2	47.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**643**	**575**	**715**	**674**	**558**
Nợ ngắn hạn	**232**	**206**	**368**	**330**	**200**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	211	195	208	175	176
Phải trả người bán ngắn hạn	3.74	2.37	14.2	2.44	3.18
Nợ dài hạn	411	369	346	344	358
Vay và nợ thuê dài hạn	411	369	346	344	358
Nguồn vốn chủ sở hữu	**840**	**836**	**773**	**875**	**928**
Vốn chủ sở hữu	**840**	**836**	**773**	**875**	**928**
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)